

KNOWLEDGE, ATTITUDES, AND FACTORS RELATED TO THE STATUS OF FUNCTIONAL FOOD USE AMONG STUDENTS AT HANOI MEDICAL UNIVERSITY IN 2023

Dao Thi Thu Ha, Do Tra My, Le Xuan Hung*

Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Dong Da district, Hanoi, Vietnam

Received: 16/02/2025

Revised: 18/3/2025; Accepted: 08/4/2025

ABSTRACT

Objective: This study aims to assess the knowledge, attitudes, and factors related to using health supplements among students at Hanoi Medical University in 2023.

Subjects and Methods: A retrospective cross-sectional study was conducted on 246 students from Hanoi Medical University, including medical doctor students and bachelor's program students. Data were collected through self-administered questionnaires regarding personal information, the use of health supplements, and students' knowledge and attitudes about health supplements.

Results: Medical students had more positive knowledge and attitudes toward health supplements than bachelor's students. However, the use of health supplements did not show a significant difference between the two groups (31.6% of medical doctor students and 31.7% of bachelor's program students). Female students had more positive knowledge and attitudes compared to male students.

Conclusion: Despite having higher knowledge, medical doctor students did not show significant differences in health supplements usage compared to bachelor's program students. Factors such as gender, habits, and personal motivation had a more significant impact on the use of health supplements than knowledge and attitudes. Comprehensive intervention strategies are needed to raise awareness and change consumption behavior regarding health supplements among students.

Keywords: Health supplements, students, medical doctor program, bachelor's program, knowledge and attitudes toward health supplements.

*Corresponding author

Email: lexuanhung@hmu.edu.vn **Phone:** (+84) 911196443 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD4.2346**

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN THỰC TRẠNG SỬ DỤNG THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE Ở SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI NĂM 2023

Đào Thị Thu Hà, Đỗ Trà My, Lê Xuân Hưng*

Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 16/02/2025

Ngày chỉnh sửa: 18/3/2025; Ngày duyệt đăng: 08/4/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu đánh giá kiến thức, thái độ và các yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe ở sinh viên Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu hồi cứu mô tả cắt ngang trên 246 sinh viên Đại học Y Hà Nội, bao gồm sinh viên hệ bác sĩ và sinh viên hệ cử nhân. Dữ liệu được thu thập qua bảng câu hỏi tự điền về thông tin cá nhân, sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe, và kiến thức, thái độ về thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Kết quả: Sinh viên hệ bác sĩ có kiến thức và thái độ tích cực hơn về thực phẩm bảo vệ sức khỏe, nhưng thực tế sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe giữa hai nhóm không có sự khác biệt đáng kể (31,6% sinh viên hệ bác sĩ và 31,7% sinh viên hệ cử nhân). Nữ sinh viên có kiến thức và thái độ tích cực hơn so với nam sinh viên.

Kết luận: Mặc dù có kiến thức cao hơn, sinh viên hệ bác sĩ không có sự khác biệt rõ rệt trong việc sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe so với sinh viên hệ cử nhân. Các yếu tố như giới tính, thói quen và động lực cá nhân có ảnh hưởng lớn hơn kiến thức và thái độ đối với việc sử dụng thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Cần chiến lược can thiệp nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi tiêu dùng thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Từ khóa: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, sinh viên, hệ bác sĩ, hệ cử nhân, kiến thức và thái độ về thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe ngày càng được công nhận là giải pháp bổ sung dinh dưỡng và cải thiện sức khỏe. Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (TPBVSK) được cho là có thể đáp ứng nhu cầu sức khỏe cụ thể của người tiêu dùng và góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng [1]. Tuy nhiên, nhận thức, thái độ và hành vi sử dụng TPBVSK của sinh viên (SV) đại học vẫn chưa được hiểu rõ, đặc biệt là trong bối cảnh SV thuộc các ngành y tế và ngoài y tế có thể có sự khác biệt đáng kể về kiến thức và hành vi tiêu dùng.

Các nghiên cứu trước đây cho thấy, SV ngành khoa học sức khỏe có kiến thức và thái độ về TPBVSK tốt hơn so với SV các nhóm ngành khác. Theo Jusoh H.M và cộng sự (2023), SV nhóm ngành khoa học sức khỏe có kiến thức và thái độ tốt hơn về TPBVSK so với SV ngoài ngành y tế, mặc dù tần suất tiêu dùng TPBVSK giữa các nhóm này không có sự khác biệt đáng kể [1].

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đã đề cập đến thực trạng dinh dưỡng và các yếu tố liên quan trong nhóm SV y khoa. Hoàng Thị Linh Ngọc và cộng sự (2021) đã chỉ ra rằng, có sự khác biệt đáng kể về tình trạng dinh dưỡng giữa SV nam và SV nữ, trong đó tỷ lệ suy dinh dưỡng nặng lượng mạn tính cao hơn ở nữ [3]. Ngoài ra, nghiên cứu của Nguyễn Thành Chung và cộng sự (2024) tại Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội ở Thanh Hóa cũng ghi nhận tình trạng dinh dưỡng và thói quen sinh hoạt có ảnh hưởng đến sức khỏe tổng thể của SV [4]. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào tại Việt Nam đánh giá cụ thể về kiến thức, thái độ và các yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng TPBVSK trong nhóm SV y khoa.

Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá kiến thức, thái độ và các yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng TPBVSK ở SV Trường Đại học Y Hà Nội năm 2023. Kết quả của nghiên cứu sẽ cung cấp bằng chứng

*Tác giả liên hệ

Email: lexuanhung@hmu.edu.vn Điện thoại: (+84) 911196443 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD4.2346>

khoa học để đưa ra các khuyến nghị phù hợp trong việc nâng cao nhận thức và thái độ đúng đắn về TPBVSK, đồng thời xây dựng các can thiệp giáo dục sức khỏe hiệu quả hơn cho nhóm đối tượng này.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên SV đang theo học tại Trường Đại học Y Hà Nội trong năm học 2023-2024.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: SV đang theo học hệ bác sĩ hoặc hệ cử nhân tại Trường Đại học Y Hà Nội.

- Tiêu chuẩn loại trừ: SV mắc các bệnh lý mạn tính hoặc có tình trạng sức khỏe ảnh hưởng đến thói quen ăn uống.

2.2. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo phương pháp mô tả cắt ngang.

2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

Cỡ mẫu được xác định dựa trên công thức tính cỡ mẫu cho tỷ lệ, với độ tin cậy 95%, tỷ lệ sử dụng TPBVSK dự kiến là 50% và sai số chấp nhận là 5%. Sau khi tính toán và bù hao hụt, cỡ mẫu cần đạt được là khoảng 246 SV (trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn được 57 SV hệ bác sĩ và 189 SV hệ cử nhân).

Phương pháp chọn mẫu là chọn mẫu ngẫu nhiên tính đại diện của SV tham gia nghiên cứu.

2.4. Phương pháp thu thập thông tin

Dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi tự điền bao gồm các nội dung:

- Thông tin chung: tuổi, giới tính, hệ đào tạo, năm học, tình trạng sức khỏe chung.

- Thực trạng sử dụng TPBVSK: tần suất sử dụng, loại sản phẩm sử dụng, mục đích sử dụng.

- Kiến thức và thái độ về TPBVSK: đánh giá theo thang điểm Likert từ 1 đến 5.

- Chỉ số nhân trắc: đo chiều cao, cân nặng.

2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Dữ liệu được làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 26.0. Thống kê mô tả, bao gồm trung bình, độ lệch chuẩn, tần số và tỷ lệ phần trăm, được sử dụng để phân tích đặc điểm của đối tượng nghiên cứu. Kiểm định Chi-Square được áp dụng để so sánh tỷ lệ giữa các nhóm, trong khi kiểm định T-test được sử dụng để so sánh trung bình giữa hai nhóm. Hồi quy logistic đa biến được sử dụng để xác định các yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng TPBVSK.

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Trường Đại học Y Hà Nội. SV tham gia nghiên cứu đều được cung cấp thông tin đầy đủ và tự nguyện ký cam kết tham gia. Thông tin của SV được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		SV hệ bác sĩ (n = 57)	SV hệ cử nhân (n = 189)
Chiều cao (cm)		161,19 ± 6,45	159,44 ± 6,87
Cân nặng (kg)		53,62 ± 7,42	50,58 ± 8,15
BMI (kg/m ²)		20,52 ± 2,34	19,84 ± 2,78
Năm học	Những năm đầu (Y1, 2, 3 đối với SV hệ bác sĩ; Y1, 2 đối với SV hệ cử nhân)	23 (40,4%)	147 (77,8%)
	Những năm giữa (Y4, 5 đối với SV hệ bác sĩ; Y3 đối với SV hệ cử nhân)	17 (29,8%)	21 (11,1%)
	Năm cuối (Y6 đối với SV hệ bác sĩ; Y4 đối với SV hệ cử nhân)	17 (29,8%)	21 (11,1%)
Quan tâm sức khỏe	Có	56 (98,2%)	180 (95,2%)
	Không	1 (1,8%)	9 (4,8%)
Hút thuốc	Không	55 (96,5%)	184 (97,4%)
	Thỉnh thoảng	1 (1,8%)	4 (2,1%)
	2-3 lần/tuần	1 (1,8%)	1 (0,5%)
Uống rượu bia	Không	39 (68,4%)	136 (72,0%)
	Thỉnh thoảng	18 (31,6%)	52 (27,5%)
	2-3 lần/tuần	0	1 (0,5%)

Đặc điểm		SV hệ bác sĩ (n = 57)	SV hệ cử nhân (n = 189)
Tập thể dục	Không	6 (10,5%)	34 (18,0%)
	Thỉnh thoảng	24 (42,1%)	114 (60,3%)
	2-3 lần/tuần	15 (26,3%)	26 (13,8%)
	Hàng ngày	12 (21,1%)	15 (7,9%)

Bảng 1 cho thấy SV hệ bác sĩ có chiều cao, cân nặng, BMI cao hơn và quan tâm sức khỏe, tập thể dục nhiều hơn SV hệ cử nhân. Tỷ lệ hút thuốc, uống rượu bia ở cả hai nhóm đều thấp.

Bảng 2. Kiến thức về TPBVSK

Nội dung	SV hệ bác sĩ (n = 57)	SV hệ cử nhân (n = 189)	p
Ăn uống tốt hơn TPBVSK	4,40 ± 0,82	3,98 ± 0,95	0,003
TPBVSK có lợi cho sức khỏe	3,77 ± 0,87	3,78 ± 0,82	0,929
Thành phần TPBVSK có lợi cho sức khỏe	3,88 ± 0,85	3,75 ± 0,84	0,302
TPBVSK giúp giảm sử dụng thuốc	3,51 ± 0,97	3,47 ± 0,95	0,765
TPBVSK không thay thế ăn uống lành mạnh	3,89 ± 1,01	3,85 ± 0,92	0,735

Bảng 2 cho thấy inh viên bác sĩ đánh giá cao hơn về việc ăn uống tốt hơn TPBVSK ($p = 0,003$), các yếu tố khác không có sự khác biệt đáng kể ($p > 0,05$).

Bảng 3. Thái độ về TPBVSK

Nội dung	SV hệ bác sĩ (n = 57)	SV hệ cử nhân (n = 189)	p
TPBVSK cần thiết cho người khỏe mạnh	3,14 ± 1,04	3,50 ± 0,92	0,012
TPBVSK bù đắp cho chế độ ăn không lành mạnh	2,79 ± 1,19	3,14 ± 1,08	0,036
Dùng TPBVSK giúp cải thiện sức khỏe	3,68 ± 0,91	3,57 ± 0,85	0,389
Nhân viên y tế nên khuyến khích TPBVSK	3,28 ± 0,96	3,33 ± 0,90	0,733

Bảng 3 cho thấy SV hệ bác sĩ có thái độ tích cực hơn về TPBVSK so với SV hệ cử nhân ($p < 0,05$) đối với “TPBVSK cần thiết cho người khỏe mạnh” và “bù đắp chế độ ăn không lành mạnh”. Tuy nhiên, không có sự khác biệt đáng kể về “dùng TPBVSK cải thiện sức khỏe” và “nhân viên y tế nên khuyến khích TPBVSK” ($p > 0,05$).

Bảng 4. Thực trạng sử dụng TPBVSK

Nội dung		SV hệ bác sĩ (n = 57)	SV hệ cử nhân (n = 189)	p
Đã, đang sử dụng TPBVSK	Có	18 (31,6%)	60 (31,7%)	1,000
	Không	39 (68,4%)	129 (68,3%)	
Tần suất sử dụng TPBVSK		(n = 18)	(n = 60)	0,806
	3-5 lần/tuần	3 (16,7%)	13 (21,7%)	
	Hàng ngày	9 (50,0%)	25 (41,7%)	
	Thỉnh thoảng	6 (33,3%)	22 (36,7%)	

Bảng 4 chỉ ra tỷ lệ SV hệ bác sĩ và SV hệ cử nhân đã hoặc đang sử dụng TPBVSK là tương đương (31,6% so với 31,7%; $p = 1,000$). Tần suất sử dụng TPBVSK giữa hai nhóm không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p = 0,806$).

Bảng 5. Yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng TPBVSK

Biến	OR	95%CI (dưới)	95%CI (trên)	p
Hệ số chặn	0,84	0,22	3,12	0,790
Nam so với nữ	0,35	0,15	0,80	0,013
SV hệ bác sĩ so với SV hệ cử nhân	1,05	0,52	2,12	0,900
Năm học (năm đầu so với năm cuối)	1,20	0,81	1,79	0,366
Quan tâm sức khỏe	0,59	0,15	2,23	0,435

Bảng 5 trình bày kết quả phân tích hồi quy logistic cho thấy giới tính (nam so với nữ) có ảnh hưởng đáng kể đến việc sử dụng TPBVSK, với tỷ lệ odds ratio (OR) là 0,35 ($p = 0,013$), cho thấy nam giới ít sử dụng TPBVSK hơn nữ giới. Tuy nhiên, các yếu tố như hệ đào tạo (bác sĩ so với cử nhân), năm học (năm đầu so với năm cuối), và quan tâm sức khỏe không có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đối với việc sử dụng TPBVSK ($p > 0,05$).

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu này đã tiến hành đánh giá kiến thức, thái độ và các yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng TPBVSK ở SV Trường Đại học Y Hà Nội trong năm học 2023-2024. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy một số điểm đáng chú ý về sự khác biệt giữa SV hệ bác sĩ và SV hệ cử nhân liên quan đến TPBVSK, đặc biệt là về kiến thức và thái độ đối với sản phẩm này.

SV hệ bác sĩ có mức độ hiểu biết cao hơn về TPBVSK, đặc biệt là nhận thức rằng “ăn uống tốt hơn TPBVSK”. Cụ thể, SV hệ bác sĩ đánh giá cao hơn khả năng của chế độ ăn uống lành mạnh trong việc duy trì sức khỏe so với TPBVSK, với điểm trung bình là $4,40 \pm 0,82$, trong khi SV hệ cử nhân chỉ đạt $3,98 \pm 0,95$ điểm ($p = 0,003$). Điều này cho thấy SV hệ bác sĩ có sự nhận thức rõ ràng hơn về tầm quan trọng của chế độ ăn uống lành mạnh.

Các nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra rằng SV ngành y có kiến thức về TPBVSK tốt hơn các nhóm ngành khác. Arslan N và cộng sự (2023) xác nhận rằng SV ngành y tế có mức độ hiểu biết về TPBVSK cao hơn đáng kể so với SV các ngành khác [2]. Điều này có thể được lý giải bởi chương trình đào tạo y khoa tập trung vào kiến thức dinh dưỡng và sức khỏe, giúp SV ngành y có cái nhìn sâu sắc hơn về lợi ích của TPBVSK.

Mặc dù SV hệ bác sĩ có mức độ hiểu biết cao hơn về TPBVSK, nhưng sự khác biệt giữa SV hệ bác sĩ và SV hệ cử nhân về “TPBVSK có lợi cho sức khỏe” và “thành phần TPBVSK có lợi cho sức khỏe” không có ý nghĩa thống kê. Cả hai nhóm đều có mức độ nhận thức tương đồng về vai trò của TPBVSK trong việc cải thiện sức khỏe. Kết quả này chỉ ra rằng kiến thức về TPBVSK của SV còn hạn chế, dù có sự khác biệt giữa các nhóm ngành và giới tính. Arslan N và cộng sự (2023) cho thấy việc tăng cường giáo dục về dinh dưỡng và TPBVSK có thể giúp thay đổi thái độ và hành vi của SV, đặc biệt là SV ngành y, nhằm nâng cao sức khỏe cá nhân và cộng đồng [2].

SV hệ bác sĩ có thái độ tích cực hơn về sự cần thiết của TPBVSK đối với người khỏe mạnh và khả năng bù đắp cho chế độ ăn không lành mạnh. Cụ thể, điểm trung bình của SV hệ bác sĩ về nhận thức này là $3,14 \pm 1,04$, trong khi SV hệ cử nhân chỉ đạt $3,50 \pm 0,92$ điểm ($p = 0,012$) về sự cần thiết của TPBVSK đối với người khỏe mạnh. Tương tự, SV hệ bác sĩ cũng có thái độ tích cực hơn trong việc cho rằng TPBVSK có thể bù đắp cho

chế độ ăn không lành mạnh, với điểm trung bình $2,79 \pm 1,19$ so với $3,14 \pm 1,08$ ở SV hệ cử nhân ($p = 0,036$). Điều này cho thấy SV hệ bác sĩ nhận thức rõ ràng hơn về lợi ích của TPBVSK trong việc hỗ trợ sức khỏe khi chế độ ăn uống không đầy đủ hoặc không lành mạnh.

Tuy nhiên, khi xét đến các câu hỏi như “dùng TPBVSK giúp cải thiện sức khỏe” và “nhân viên y tế nên khuyến khích TPBVSK”, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm ($p > 0,05$). Cả hai nhóm đều đồng thuận rằng TPBVSK có thể hỗ trợ sức khỏe nhưng không thể thay thế hoàn toàn chế độ ăn uống lành mạnh. Điều này cũng được xác nhận trong nghiên cứu của Vương Bao Thy và cộng sự (2023) khi họ nghiên cứu về kiến thức, thái độ và thực hành của SV đối với an toàn thực phẩm, khẳng định rằng TPBVSK chỉ nên là sự bổ sung, không thể thay thế cho chế độ ăn uống đầy đủ và cân đối [5]. Điều này phản ánh quan điểm chung trong cộng đồng y tế rằng TPBVSK là công cụ bổ sung hữu ích cho sức khỏe nhưng không thể thay thế cho chế độ ăn uống đầy đủ dinh dưỡng. Mặc dù SV hệ bác sĩ có kiến thức tốt hơn về TPBVSK, thái độ của họ đối với sản phẩm này không khác biệt rõ rệt so với SV hệ cử nhân, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến việc khuyến khích sử dụng TPBVSK.

Mặc dù SV hệ bác sĩ có kiến thức và thái độ tích cực hơn về TPBVSK, nhưng thực tế sử dụng TPBVSK giữa SV hệ bác sĩ và SV hệ cử nhân lại không có sự khác biệt đáng kể. Theo dữ liệu từ bảng 4, tỷ lệ SV hệ bác sĩ sử dụng TPBVSK là 31,6%, trong khi tỷ lệ SV hệ cử nhân là 31,7%, với $p = 1,000$, cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Điều này chỉ ra rằng mặc dù SV hệ bác sĩ có mức độ hiểu biết và thái độ tích cực hơn về TPBVSK, nhưng họ không có xu hướng sử dụng sản phẩm này nhiều hơn so với SV hệ cử nhân. Tình trạng này cũng được ghi nhận trong nghiên cứu của Merwid-Lạt và cộng sự (2022), khi họ phát hiện rằng mặc dù SV y khoa có kiến thức tốt hơn về các sản phẩm bổ sung dinh dưỡng, nhưng việc sử dụng thực phẩm chức năng thực tế lại không cao [6].

Tình trạng này cũng được ghi nhận trong nghiên cứu của Tay J.E.F và cộng sự (2023), khi họ phát hiện rằng mặc dù SV hiểu biết về TPBVSK và có thái độ tích cực, nhưng tần suất sử dụng thực phẩm chức năng của họ lại không cao. Nghiên cứu này chỉ ra rằng thái độ và kiến thức về TPBVSK không luôn tương ứng với hành vi tiêu dùng thực tế. Điều này có thể là do các yếu tố khác như sự thiếu niềm tin vào hiệu quả của TPBVSK, chi phí sử dụng sản phẩm, hoặc sự thay đổi thói quen ăn uống vốn đã được hình thành từ trước [7].

Kết quả này cho thấy rằng, mặc dù giáo dục về TPBVSK có thể cải thiện nhận thức và thái độ của SV, nhưng việc thúc đẩy sử dụng thực tế đòi hỏi các chiến lược can thiệp toàn diện hơn. Các yếu tố ngoài kiến thức và thái độ, chẳng hạn như các yếu tố xã hội, kinh

tế, và thói quen cá nhân, cần được xem xét để xây dựng các chiến lược khuyến khích sử dụng TPBVSK hiệu quả hơn trong cộng đồng SV.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy SV hệ bác sĩ có mức độ kiến thức và thái độ tích cực hơn đối với TPBVSK so với SV hệ cử nhân. Tuy nhiên, sự khác biệt về thực trạng sử dụng TPBVSK giữa hai nhóm là không đáng kể. Điều này chỉ ra rằng mặc dù có sự khác biệt trong kiến thức và thái độ, các yếu tố khác như thói quen cá nhân, sự tin tưởng vào hiệu quả của TPBVSK, và thậm chí là thói quen sử dụng thực phẩm chức năng có thể là những yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng TPBVSK nhiều hơn. Các nghiên cứu trong tương lai nên tập trung vào việc xác định các yếu tố tác động đến thói quen sử dụng TPBVSK, bao gồm các yếu tố văn hóa, xã hội và cá nhân, để phát triển các chiến lược can thiệp hiệu quả hơn, giúp SV có thể ứng dụng những kiến thức này vào thực tế nhằm nâng cao sức khỏe.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Jusoh H.M, Azman N.A.N, Knowledge, attitude and practice on functional food consumption among health science and non-health science students. International Journal of Allied Health Sciences [Internet], 2023 Dec 8 [cited 2025 Mar 17], 7 (5), Available from: <https://journals.iium.edu.my/ijahs/index.php/IJAHS/article/view/847>.
- [2] Arslan N, Alataş H, Evaluation of attitudes, behaviors and knowledge levels of students functional foods, J Med Palliat Care/JOMPAC/jompac, 2023 Oct 27, 4 (5): 555-560.
- [3] Hoàng Thị Linh Ngọc, Nguyễn Thị Thanh Hòa, Lê Thị Hương, Tình trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y1 Trường Đại học Y Hà Nội, Tạp chí Nghiên cứu y học, 2021, tập 146 (10), tr. 192197.
- [4] Nguyễn Thành Chung, Trần Ngọc Anh, Nguyễn Diệp Anh, Nguyễn Thúy Quyên, Nguyễn Hoàng Lan, Tình trạng dinh dưỡng của sinh viên năm nhất Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Thanh Hóa năm học 2023-2024, Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2024, 7 (05): 148-153.
- [5] Vuong Bao Thy et al, Faculty of Health Sciences - Mekong University, Vinh Long, Vietnam, Students' knowledge, attitude, and practice on food safety in Mekong University from July 2022 to December 2022, VJFC, 2023 Jul 28, 6 (3): 304-312.
- [6] Merwid-Ląd A, Szandruk-Bender M, Matuszewska A, Trocha M, Nowak B, Oster M et al, Factors that influence the use of dietary supplements among the students of wroclaw medical university in Poland during the COVID-19 pandemic, IJERPH, 2022 Jun 18, 19 (12): 7485.
- [7] Tay J.E.F, Tung S.E.H, Mok K.T, Tan C.H, Gan W.Y, Poon W.C, Functional food consumption and its associated factors among university students in Malaysia during COVID-19 pandemic, The Malaysian Journal Medicine Sciences, 2023, 30 (6): 133-146.
- [8] Trịnh Quốc Thịnh, Nguyễn Phúc Hưng, Hà Thoại Lâm, Huỳnh Minh Khôi, Lê Diệu Pháp, Phùng Phi Yến, Võ Thị Mỹ Hương, Đánh giá thái độ, hành vi và các yếu tố liên quan của người tiêu dùng đối với thực phẩm chức năng tại thành phố Cần Thơ năm 2022-2023, Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2023, (62): 91-97.
- [9] Gemeda N, Yazew T, Moroda M, Kuyu C.G, Food safety practices and associated factors among food handlers in food establishments in adama town, central ethiopia, Front Sustain Food Syst [Internet], 2025 Jan 23 [cited 2025 Mar 17], 8. Available from: <https://www.frontiersin.org/journals/sustainable-food-systems/articles/10.3389/fsufs.2024.1471429/full>.

